

Số: 42 /2015/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 8 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng  
phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh về phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2015/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 14 về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2347/STC-GCS ngày 31 tháng 7 năm 2015; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành và thay thế Khoản 2, Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND

ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Điểm 3.3 Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

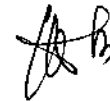
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBNDTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo Tin học - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TKCT.

**Gửi:**

- + VB giấy: TP không nhận bản ĐT;
- + Bản ĐT: Các thành phần khác ~~\_\_\_\_\_~~

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Đình Sơn**

**QUY ĐỊNH**

**Mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng cảng cá  
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân có hàng hoá và phương tiện sử dụng tại cảng cá (trừ tàu, thuyền của các đơn vị an ninh, quốc phòng đang làm nhiệm vụ và tàu, thuyền cập cảng, bến cá trong thời gian tránh thiên tai).
2. Đơn vị tổ chức thu phí: Ban Quản lý các cảng cá Hà Tĩnh.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Chương II**

**MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU PHÍ**

**Điều 3. Mức thu phí**

1. Mức thu phí đối với tàu thuyền đánh cá cập cảng và phương tiện vận tải cho 01 lần ra, vào cảng cá như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Mức thu đề nghị điều chỉnh</b>
1	Đối với tàu, thuyền đánh cá cập cảng, mức thu cho 01 lần vào hoặc ra cảng	
-	Có công suất từ dưới 20 CV	8.000 đồng
-	Có công suất từ 20 CV đến 50 CV	15.000 đồng
-	Có công suất trên 50 đến 90 CV	30.000 đồng
-	Có công suất trên 90 CV đến 200 CV	50.000 đồng
-	Có công suất trên 200 CV	80.000 đồng
2	Đối với tàu thuyền vận tải cập cảng, mức thu cho 01 lần vào hoặc ra cảng	
-	Có trọng tải dưới 5 tấn	15.000 đồng
-	Có trọng tải từ 5 tấn đến 10 tấn	30.000 đồng
-	Có trọng tải trên 10 tấn đến 100 tấn	80.000 đồng
-	Có trọng tải trên 100 tấn	130.000 đồng
3	Đối với phương tiện vận tải, mức thu cho 01 lần vào hoặc ra cảng	
-	Xe máy, xích lô, ba gác chờ hàng	2.000 đồng

-	Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn	8.000 đồng
-	Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn	15.000 đồng
-	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn	25.000 đồng
-	Phương tiện có trọng tải trên 5 đến 10 tấn	30.000 đồng
-	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn	40.000 đồng
4	Đối với hàng hóa qua cảng	
-	Hàng thủy sản, động vật tươi sống	15.000 đồng/tấn
-	Hàng hóa là Container	50.000 đồng/ container
-	Các loại hàng hóa khác	6.000 đồng/tấn

2. Một (01) lượt vào, ra cảng: Tối đa 48 giờ.

3. Mức thu đối với chủ tàu có nhu cầu nộp phí theo tháng, quý, năm như sau:

+ Mức thu 01 tháng = 60% x mức thu 15 lượt.

+ Mức thu 01 quý = 50% x mức thu 45 lượt.

+ Mức thu 01 năm = 40% x mức thu 180 lượt.

#### **Điều 4. Chứng từ thu phí**

1. Đơn vị thu phí phải sử dụng biên lai thu phí theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

2. Khi thu phí phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí; nghiêm cấm việc thu phí không sử dụng biên lai, biên lai không đúng quy định hoặc thu cao hơn mệnh giá ghi trên biên lai; kết thúc năm tài chính phải quyết toán thu theo biên lai (không quyết toán số thu khoán khi đã có biên lai).

#### **Điều 5. Quản lý và sử dụng tiền phí**

1. Việc quản lý và sử dụng tiền thu phí được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí, lệ phí; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đơn vị tổ chức thu phải mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan thu đóng trụ sở để theo dõi, quản lý tiền phí thu được. Định kỳ, hàng tuần phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

2. Phí phí sử dụng cảng cá là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, tổng số tiền thu phí được trích như sau:

a. Để lại 90% số phí thu được cho đơn vị thu phí để phục vụ cho công tác thu phí.

b. Phần còn lại (10%) nộp vào ngân sách nhà nước và điều tiết toàn bộ vào ngân sách tỉnh.

#### **Điều 6. Chế độ tài chính kế toán**

1. Đơn vị tổ chức thu phí phải mở sổ sách, biên lai kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền phí thu được theo đúng chế độ kế toán, thống kê quy định của Nhà nước.

2. Hàng năm, đơn vị tổ chức thu phí phải căn cứ chế độ quy định của nhà nước lập dự toán thu, chỉ gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu theo quy định.

3. Định kỳ phải báo cáo quyết toán việc thu, nộp, sử dụng số tiền thu phí theo quy định của Nhà nước đối với từng loại phí; trường hợp thu các loại phí khác nhau phải theo dõi hạch toán và quyết toán riêng đối với từng loại phí.

4. Đối với tiền phí để lại cho đơn vị tổ chức thu, sau khi quyết toán đúng chế độ, tiền phí chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp theo chế độ quy định.

5. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện niêm yết công khai mức thu phí tại nơi thu phí.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

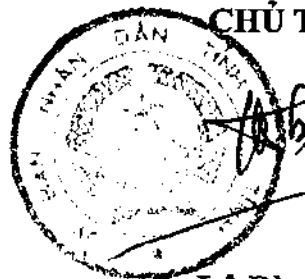
1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu phí theo quy định.

2. Cơ quan thuế nơi đơn vị thu phí đóng trụ sở có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc cho các đơn vị thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền phí theo đúng chế độ quy định.

3. Giao cơ quan tài chính phối hợp với cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước và các cơ quan liên quan có trách nhiệm quản lý, kiểm tra thu phí theo đúng quy định.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, thu, nộp, sử dụng tiền phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Đình Sơn**

